TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST Ngày: 29-6-2020. V/v: "Ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Kim P, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 46 đường Đ, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí T, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: 12/59 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim P trình bày thì: Bà P và ông Nguyễn Chí T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với gia đình chồng tại địa chỉ 12/59 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có những bất đồng về quản điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Ngoài ra ông T còn sử dụng chất ma túy, bà có khuyên giải nhưng ông T không nghe nên bà P đã đưa con về nhà bố mẹ bà P sống từ năm 2015 và vợ chồng sống

ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Thỉnh thoảng ông T có đến thăm con rồi về. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/10/2010 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 28/11/2015 hiện đang sống với bà P. Ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con cho đến khi các con đủ tuổi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T tuy nhiên ông T không đến Toà và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nên Toà án không thu thập được ý kiến cũng như lời khai của ông T và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T và yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa bà P và ông T có xảy ra trong thực tế và đã trầm trọng. Vợ chồng sống đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P. Cho bà P và ông T ly hôn. Đề nghị giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã niêm yết tống đạt hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông T để tham gia phiên toà sơ thẩm, tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim P và ông Nguyễn Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà P là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, ông T còn sử dụng chất ma túy, bà P có khuyên giải nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Bản thân ông T đã được Tòa án thông báo nhưng không đến Tòa để hòa giải, tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn và theo tài liệu Tòa án thu thập thì năm 2018, ông T bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng hiên nay ông T chưa chấp hành. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T là có xảy ra, kéo dài và đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P và ông T ly hôn.

[3] Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/10/2010 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 28/11/2015. Ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con. Xét thấy, cả hai cháu Bảo N và Chí N hiện đang sống ổn định với bà P từ năm 2015 cho đến nay và được bà P chăm sóc tốt. Cháu Bảo N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Bản thân ông T là người sử dụng chất ma túy và còn phải chấp hành Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con đủ tuổi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có, ông T cũng không có ý kiến yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 28, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Kim P và ông Nguyễn Chí T ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/10/2010 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 28/11/2015 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017160 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND TP Đà Lạt;
-Chi cục THADS TP Đà Lạt;
-UBND phường D,TP Đà Lạt ;
-Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lệ Quyên